

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng  
Cầu đường Hà Nội**

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014  
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

---

## Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	6
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	10

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## 1. Thông tin về Công ty

### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103007904 ngày 19 tháng 5 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được sửa đổi như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
Lần 2 số 0103007904 ngày 13 tháng 12 năm 2005	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
Lần 3 số 0103007904 ngày 23 tháng 5 năm 2006	Thay đổi tên công ty
Lần 4 số 0103007904 ngày 3 tháng 11 năm 2009	Bổ sung một số ngành nghề kinh doanh

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15,5 tỷ đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM).

### 1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 39 Hàm Tử Quan, phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### 1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực:

- Xây dựng, sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông và các công trình phụ trợ;
- Xây dựng, sửa chữa các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị bao gồm các công trình san nền, đường giao thông, vỉa hè, bãi đỗ xe, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, công viên, cây xanh;
- Xây dựng, sửa chữa các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình cầu, hầm, thủy lợi, đê điều;
- Lập dự án và đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh các dự án phát triển nhà;
- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà & đô thị, kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê văn phòng làm việc, kinh doanh vận tải, bãi đỗ xe, kinh doanh nhà hàng, khách sạn, hàng hoá tiêu dùng;
- Xuất nhập khẩu thiết bị vật tư chuyên ngành giao thông và cơ sở hạ tầng đô thị;
- Trang trí nội, ngoại thất các công trình;
- Tư vấn và môi giới đầu tư các dự án Nhà nước cho phép;
- Sản xuất, gia công, sửa chữa và kinh doanh thiết bị và vật liệu xây dựng;
- Thiết kế công trình giao thông đường bộ; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế giao thông cầu đường bộ;
- Tư vấn giám sát các công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật;
- Buôn bán hạt nhựa PP, PE, OPP, HD, PVC, nhựa đường; Buôn bán kim loại màu (đồng, sắt, nhôm), tôn silic và Inox; Buôn bán đồ điện gia dụng, đồ gỗ nội ngoại thất;
- Buôn bán lương thực, thực phẩm, mỹ phẩm (trừ loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu; Xuất nhập khẩu sản phẩm, hàng hoá Công ty kinh doanh.

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là xây dựng các công trình và buôn bán các hạt nhựa.

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014  
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

## 1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 52 nhân viên (31.12.2013: 48 nhân viên).

## 2. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, và sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

## 3. Thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Ly	Ủy viên
Ông Vũ Văn Liễu	Ủy viên
Bà Phạm Thị Hương	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Ủy viên

Thành viên của Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Giám đốc
Ông Đỗ Văn Ly	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó Giám đốc
Ông Đặng Công Hiệp	Phó Giám đốc
Bà Đỗ Thị Hồng Thúy	Phó Giám đốc
Bà Phạm Thị Hương	Kế toán trưởng

## 4. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Giám đốc Công ty xác định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

## 5. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Nguyễn Mạnh Cường, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội, đại diện cho Ban Giám đốc xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2015

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 14-01-063

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội (“Công ty”), được lập ngày 10 tháng 4 năm 2015, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Do những hạn chế từ phía Công ty, chúng tôi đã không được tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty. Do không có thủ tục kiểm toán thay thế nào khác nên chúng tôi không thể đưa ra đảm bảo về sự hiện hữu, đầy đủ và giá trị của các khoản mục hàng tồn kho cũng như ảnh hưởng của khoản mục này tới các khoản mục khác được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán (tiếp theo)**

Đến ngày lập báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ xác nhận cho số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của các khoản công nợ phải thu khách hàng, người mua trả tiền trước, phải thu khác và phải trả phải nộp khác với số tiền lần lượt là khoảng 16,2 tỷ đồng, 1,9 tỷ đồng, 617 triệu đồng và 5,4 tỷ đồng. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán nào khác để xác định được tính hiện hữu, đầy đủ và chính xác của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng đến các khoản mục khác có liên quan trên báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty trích lập thiếu dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết với số tiền khoảng 1 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty cũng trích lập thiếu giá trị dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết với số tiền khoảng 1,9 tỷ đồng. Theo đó, khoản mục Chi phí tài chính trong năm đã tăng lên khoảng 0,9 tỷ đồng và Lợi nhuận trước thuế đã giảm đi một khoản tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với giá trị cổ phiếu chưa niêm yết với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 2,7 tỷ đồng do Công ty không có cơ sở xác định giá trị thị trường của các loại cổ phiếu này. Bất cứ điều chỉnh nào khi giá trị thị trường của các cổ phiếu này được xác định một cách đáng tin cậy cũng có thể làm ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty thực hiện trích lập giá trị dự phòng phải thu khó đòi thiếu với số tiền là khoảng 102 triệu đồng. Theo đó, khoản mục Chi phí quản lý doanh nghiệp đã giảm đi và Lợi nhuận trước thuế đã tăng lên một khoản tương ứng là khoảng 102 triệu đồng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Trong năm, Công ty đang hạch toán trị giá hàng hóa nhập khẩu trong kỳ theo tỷ giá thực tế tại thời điểm chi trả. Theo đó, Công ty ghi nhận thiếu chi phí tài chính trong kỳ với số tiền là khoảng 193 triệu đồng và Lợi nhuận trước thuế đã tăng lên một khoản tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bao gồm các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khoảng 1,7 tỷ đồng là số dư của một số công trình trong năm không có triển khai gì. Công ty chưa đánh giá được khả năng thu hồi cũng như trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng với công trình này. Với tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi chưa có cơ sở để đánh giá việc này.

Trong năm, Công ty ghi nhận giá vốn của công trình Đường nối từ Lê Văn Thiêm - Khuất Duy Tiến, công trình Cải tạo nâng cấp quốc lộ 1A phố Ngô Gia Tự và công trình xây dựng nhà ga hành khách T2 Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài với số tiền lần lượt là khoảng 528 triệu đồng, 3 tỷ đồng và 2,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, giá thành của ba công trình này đang được Công ty ước tính mà không có phương pháp xác định cụ thể làm cơ sở hợp lý cho việc kết chuyển vào giá vốn trong năm. Do đó, chúng tôi không thể xác định được tính hợp lý đối với việc xác định giá vốn trong năm của ba công trình trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư khoản đầu tư vào công ty liên kết với Công ty Cổ phần Thủy Điện Nậm Mẩn là khoảng 1,09 tỷ đồng. Hiện tại, Dự án Thủy điện Nậm Mẩn đã dừng triển khai do dự án không còn khả thi. Ngoài ra, số dư khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 5,3 tỷ đồng của Dự án Yên Hòa đã phát sinh từ các năm trước mà chưa được triển khai thêm trong năm. Tuy nhiên, Công ty chưa tiến hành đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này (nếu có) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán (tiếp theo)**

Số dư khoản tạm ứng cho đối tượng cá nhân trong Công ty để thực hiện các dự án tại thời điểm cuối năm là khoảng 6,9 tỷ đồng. Tuy nhiên, số dư công nợ này đang được ghi nhận trên khoản mục Phải thu nội bộ ngắn hạn mà chưa được phân loại sang chỉ tiêu Tạm ứng.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam**



NGUYỄN TIẾN DŨNG

**Giám đốc**

*Giấy CN ĐKHN Kiểm toán*

*Số: 0800-2013-042-1*

HÀ NỘI

Ngày 10 tháng 4 năm 2015

NGUYỄN THANH TUẤN

**Kiểm toán viên**

*Giấy CN ĐKHN Kiểm toán*

*Số: 2031-2013-042-1*

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Bảng Cân đối Kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2014	31.12.2013
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>82.301.937.286</b>	<b>93.072.800.940</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.783.541.042</b>	<b>5.225.599.755</b>
1. Tiền	111	3	6.783.541.042	5.225.599.755
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>4</b>	<b>3.967.330.000</b>	<b>5.247.811.150</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.220.105.000	6.424.017.123
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.252.775.000)	(1.176.205.973)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.675.954.854</b>	<b>40.804.741.084</b>
1. Phải thu khách hàng	131		24.123.902.882	31.597.972.204
2. Trả trước cho người bán	132		23.290.000	2.222.675.698
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5	6.947.351.481	6.881.614.181
5. Các khoản phải thu khác	135	6	617.390.340	815.899.970
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(1.035.979.849)	(713.420.969)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>39.863.253.583</b>	<b>39.802.006.032</b>
1. Hàng tồn kho	141		39.863.253.583	39.802.006.032
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.011.857.807</b>	<b>1.992.642.919</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	-	14.498.803
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	1.011.857.807	1.978.144.116
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>9.885.269.755</b>	<b>10.154.753.001</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>91.700.000</b>	<b>91.700.000</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218		91.700.000	91.700.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.124.028.595</b>	<b>2.130.453.541</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.124.028.595	2.130.453.541
- Nguyên giá	222		3.289.383.529	3.107.654.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.165.354.934)	(977.200.897)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>563.555.850</b>	<b>589.767.750</b>
- Nguyên giá	241		1.310.595.000	1.310.595.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(747.039.150)	(720.827.250)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>6.400.100.000</b>	<b>6.400.100.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	1.085.000.000	1.085.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	5.315.100.000	5.315.100.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>705.885.310</b>	<b>942.731.710</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	705.885.310	942.731.710
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>92.187.207.041</b>	<b>103.227.553.941</b>



# Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Bảng Cân đối Kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31.12.2014	31.12.2013
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>76.578.571.461</b>	<b>87.781.847.383</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>74.404.819.113</b>	<b>84.329.155.336</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	32.909.402.820	21.757.358.450
2. Phải trả người bán	312		16.153.718.023	36.161.737.508
3. Người mua trả tiền trước	313		1.907.875.426	9.614.753.312
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	1.084.939.687	855.922.892
5. Phải trả người lao động	315		6.322.311.912	4.987.570.958
6. Chi phí phải trả	316		46.771.160	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	15.960.139.791	10.938.011.764
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		19.660.294	13.800.452
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.173.752.348</b>	<b>3.452.692.047</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		795.200.000	795.200.000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.378.552.348	2.657.492.047
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>15.608.635.580</b>	<b>15.445.706.558</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>15.608.635.580</b>	<b>15.445.706.558</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.500.000.000	15.500.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(678.300.000)	(678.300.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		203.145.005	162.236.203
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		171.833.348	156.573.505
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		411.957.227	305.196.850
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>92.187.207.041</b>	<b>103.227.553.941</b>

Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối Kế toán:

Chỉ tiêu	31.12.2014	31.12.2013
5. Ngoại tệ các loại (đô la Mỹ)	248	249

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 10 tháng 4 năm 2015



NGUYỄN MẠNH CƯỜNG  
Giám đốc

PHẠM THỊ HƯƠNG  
Kế toán trưởng

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu	01	20	141.802.239.389	117.341.891.284
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		141.802.239.389	117.341.891.284
4. Giá vốn hàng bán	11	21,22	(135.921.540.585)	(109.678.789.091)
5. Lợi nhuận gộp	20		5.880.698.804	7.663.102.193
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	122.903.896	51.105.194
7. Chi phí tài chính	22	24	(3.147.243.485)	(4.797.114.432)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		(2.236.675.748)	(3.620.568.574)
8. Chi phí bán hàng	24	25	(128.968.736)	(123.619.041)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	(2.174.943.175)	(2.307.757.370)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		552.447.304	485.716.544
11. Thu nhập khác	31	27	217.657.861	155.891.763
12. Chi phí khác	32	28	(241.034.625)	(150.009.338)
13. Lợi nhuận khác	40		(23.376.764)	5.882.425
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		529.070.540	491.598.969
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	(117.113.313)	(186.402.119)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		411.957.227	305.196.850
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	29	273	202

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 10 tháng 4 năm 2015



NGUYỄN MẠNH CƯỜNG  
Giám đốc

PHẠM THỊ HƯƠNG  
Kế toán trưởng

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	2014	2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	529.070.540	491.598.969
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	451.212.337	438.802.961
Các khoản dự phòng	03	572.776.683	1.328.082.616
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	417.864	-
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	446.819.529	(51.105.194)
Chi phí lãi vay	06	2.236.675.748	3.620.568.574
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>			
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	08	4.236.972.701	5.827.947.926
Thay đổi hàng tồn kho	09	10.598.864.883	(1.751.664.094)
Thay đổi các khoản phải trả	10	(61.247.551)	(4.412.173.937)
Thay đổi chi phí trả trước	11	(22.436.031.638)	19.870.901.536
Tiền lãi vay đã trả	12	14.498.803	18.328.678
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(2.189.904.588)	(3.620.568.574)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(88.212.877)	(216.821.459)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(9.925.060.267)</b>	<b>15.715.950.076</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(181.560.066)	(185.564.110)
4. Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	634.188.698	-
5. Chi góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.830.000)
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	122.903.896	51.105.194
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>575.532.528</b>	<b>(136.288.916)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	86.943.037.170	68.554.570.063
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(75.790.992.800)	(80.213.258.467)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả	36	(244.157.480)	(136.286.525)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>10.907.886.890</b>	<b>(11.794.974.929)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>1.558.359.151</b>	<b>3.784.686.231</b>
<b>Tiền tồn đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5.225.599.755</b>	<b>1.440.913.524</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái</b>	<b>61</b>	<b>(417.864)</b>	<b>-</b>
<b>Tiền tồn cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>6.783.541.042</b>	<b>5.225.599.755</b>

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.



Ngày 10 tháng 4 năm 2015

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG  
Giám đốc

PHẠM THỊ HƯƠNG  
Kế toán trưởng

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## 1. Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103007904 ngày 19 tháng 5 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được sửa đổi như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
Lần 2 số 0103007904 ngày 13 tháng 12 năm 2005	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
Lần 3 số 0103007904 ngày 23 tháng 5 năm 2006	Thay đổi tên công ty
Lần 4 số 0103007904 ngày 3 tháng 11 năm 2009	Bổ sung một số ngành nghề kinh doanh

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15,5 tỷ đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 39 Hàm Tử Quan, phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là Xây dựng các công trình và buôn bán các hạt nhựa.

## 2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

### 2.3. Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

#### a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

#### b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

## Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

#### a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tiền tồn tại quỹ của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, Công ty sử dụng tỷ giá quy đổi ngoại tệ theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh;
- Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Trường hợp ngân hàng thương mại này không công bố tỷ giá của đồng ngoại tệ đó thì phải quy đổi thông qua tỷ giá của một số đơn vị ngoại tệ chủ yếu mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng tại thời điểm đánh giá lại.

Trong năm, Công ty thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 và Thông tư 179 nói trên, cụ thể như sau:

- Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định khi Công ty đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính;
- Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Công ty không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên **khoản lãi** chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ;

### 2.5. Công cụ tài chính

Trong năm, Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Theo đó, các chính sách kế toán về việc ghi nhận, xác định và trình bày các khoản mục tài sản và công nợ tài chính được thể hiện trong phần Thuyết minh này hoặc các Thuyết minh về các khoản mục liên quan trong báo cáo tài chính này.

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Các công cụ tài chính được phân loại như tài sản, các khoản nợ phải trả tài chính hoặc vốn chủ sở hữu phù hợp với những điều khoản ràng buộc trong hợp đồng hoặc các thỏa thuận tương tự. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận, các khoản lỗ và lãi có liên quan đến công cụ tài chính hoặc cấu phần của nó mà là nợ tài chính phải trả được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Cổ tức, lợi nhuận trả cho các cổ đông được ghi giảm trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Trường hợp cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả thì khoản phải trả về cổ tức cho các cổ đông của cổ phiếu ưu đãi đó được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả tại cùng một thời điểm.

Cụ thể:

## i) Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

### - Tài sản tài chính

Cho mục đích trình bày trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp thành các nhóm sau: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

### - Nợ phải trả tài chính

Cho mục đích trình bày trong các báo cáo tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

## ii) Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau khi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

## 2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

## Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm cả sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

### 2.8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	7 - 10
Phương tiện vận tải	10

### 2.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	50

Khi thanh lý/nhượng bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của bất động sản đầu tư được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

### 2.10. Các khoản đầu tư

#### a) Ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phần, chứng khoán, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác, trái phiếu và các khoản cho vay. Giá trị ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá trị đầu tư thực tế. Việc phân loại các khoản đầu tư này thành ngắn hạn (đến 1 năm) hay dài hạn (trên 1 năm) phụ thuộc vào thời gian thu hồi dự kiến của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật cũng như các thỏa thuận ràng buộc giữa Công ty và bên nhận đầu tư.

#### b) Hạch toán các khoản đầu tư sau khi ghi nhận ban đầu

Các khoản cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư vào cổ phần, chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, công ty khác và lãi nhận được từ trái phiếu, các khoản cho vay sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, ngoại trừ các khoản chia cổ tức của giai đoạn trước khi đầu tư sẽ được hạch toán giảm giá trị ban đầu các khoản đầu tư. Ngoài ra, từ năm 2011 các khoản cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được ghi nhận tăng số lượng cổ phần mà không hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

#### c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành cho từng khoản đầu tư thuộc sở hữu của Công ty. Cụ thể như sau:

- i) Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá khớp lệnh tại ngày lập dự phòng (giá bình quân đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).
- ii) Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- iii) Đối với chứng khoán của các công ty chưa niêm yết đang được giao dịch tự do trên thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC) thì giá thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán.
- iv) Đối với các chứng khoán đầu tư dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) thì mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.



## **Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội**

Thuyết minh Báo cáo Tài chính  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### *2.11. Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay gồm lãi tiền vay ngắn hạn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

### *2.12. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn*

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 2 đến 10 năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa khu Hàm Tử Quan;
- Lợi thế thương mại.

### *2.13. Các khoản phải trả người bán*

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

### *2.14. Trích trợ cấp thôi việc*

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp với mức đóng bởi mỗi bên là 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009.

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## 2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

## 2.16. Nguồn vốn chủ sở hữu

### a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty được ghi nhận theo giá trị thực góp.

### b) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận như là một thay đổi trong vốn chủ sở hữu. Các cổ phần mua lại được phân loại là các cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

### c) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phần ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

### d) Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty:

- |                         |         |
|-------------------------|---------|
| ▪ Quỹ khen thưởng       | 1 - 5%  |
| ▪ Quỹ phúc lợi          | 1 - 5%  |
| ▪ Quỹ đầu tư phát triển | 1 - 10% |
| ▪ Quỹ dự trữ tài chính  | 0 - 5%  |

## **Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội**

Thuyết minh Báo cáo Tài chính  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### *2.17. Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *a) Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

#### *b) Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

#### *c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### *2.18. Hợp đồng xây dựng*

#### *a) Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:*

- (i) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và*
- (ii) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.*

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Căn cứ để xác định doanh thu từ hợp đồng xây dựng là khối lượng công việc hoàn thành theo công trình hoặc hạng mục công trình và đơn giá hợp đồng mới nhất được duyệt. Khối lượng công việc hoàn thành là khối lượng đã được chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư xác nhận thông qua Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp giá trị thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp khối lượng xây lắp hoàn thành v.v...

#### *b) Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:*

- (i) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;*
- (ii) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể (bao gồm cả chi phí đi vay nếu thỏa mãn các điều kiện chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định);*
- (iii) Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.*

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

c) Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.
- (iii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

## 2.19. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

## 2.20. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

## 2.21. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

## 2.22. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

## 2.23. Phân loại lại

Một số khoản mục trong báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với sự trình bày của báo cáo tài chính năm nay.

## Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 3. Tiền

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
Tiền mặt tại quỹ	273.151.179	219.953.326
Tiền gửi ngân hàng	6.510.389.863	5.005.646.429
	<b>6.783.541.042</b>	<b>5.225.599.755</b>

### 4. Đầu tư ngắn hạn

Nội dung	Ghi chú	31.12.2014		31.12.2013	
		Số lượng	Giá trị đầu tư	Số lượng	Giá trị đầu tư
Cổ phiếu đã niêm yết	HOSE	1.310	202.905.000	24.799	1.318.736.723
Cổ phiếu đã niêm yết	HNX	20.000	2.285.000.000	23.200	2.373.080.400
Cổ phiếu chưa niêm yết	OTC	68.385	2.732.200.000	68.385	2.732.200.000
		<b>89.695</b>	<b>5.220.105.000</b>	<b>116.384</b>	<b>6.424.017.123</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			<b>(1.252.775.000)</b>		<b>(1.176.205.973)</b>

### 5. Các khoản phải thu, phải trả nội bộ ngắn hạn

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
Tạm ứng thực hiện dự án Yên Hòa	6.947.351.481	6.881.614.181
	<b>6.947.351.481</b>	<b>6.881.614.181</b>

### 6. Các khoản phải thu khác

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
Ban quản lý sự nghiệp	15.000.000	15.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội	265.645.183	265.645.183
Phải thu khác	336.745.157	535.254.787
	<b>617.390.340</b>	<b>815.899.970</b>

### 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Nội dung	2014	2013
Số dư đầu năm	713.420.969	561.544.326
Tăng dự phòng trong năm	496.207.656	472.718.427
Khoản dự phòng sử dụng trong năm	(173.648.776)	(35.635.249)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(285.206.535)
Số dư cuối năm	<b>1.035.979.849</b>	<b>713.420.969</b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 8. Hàng tồn kho

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
Nguyên liệu, vật liệu	82.891.056	82.891.056
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.578.231.094	20.107.832.639
Hàng hóa	32.202.131.433	19.611.282.337
	<b>39.863.253.583</b>	<b>39.802.006.032</b>

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số dư cuối năm
Công cụ, dụng cụ	14.498.803	14.269.091	(28.767.894)	-
	<b>14.498.803</b>	<b>14.269.091</b>	<b>(28.767.894)</b>	<b>-</b>

### 10. Tài sản ngắn hạn khác

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
Tạm ứng	1.011.857.807	1.978.144.116
	<b>1.011.857.807</b>	<b>1.978.144.116</b>

### 11. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	2.440.559.893	39.500.000	627.594.545	3.107.654.438
Tăng trong năm	-	181.729.091	-	181.729.091
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.440.559.893</b>	<b>221.229.091</b>	<b>627.594.545</b>	<b>3.289.383.529</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số dư đầu năm	738.620.714	39.500.000	199.080.183	977.200.897
Tăng trong năm	109.133.868	16.260.709	62.759.460	188.154.037
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>847.754.582</b>	<b>55.760.709</b>	<b>261.839.643</b>	<b>1.165.354.934</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	1.701.939.179	-	428.514.362	2.130.453.541
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.592.805.311</b>	<b>165.468.382</b>	<b>365.754.902</b>	<b>2.124.028.595</b>

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị còn lại của số tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay Công ty nhận được là khoảng 564 triệu đồng (31.12.2013: 590 triệu đồng).
- Nguyên giá của số tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang được sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 542 triệu đồng (31.12.2013: 542 triệu đồng).

## Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 12. Bất động sản đầu tư

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	1.310.595.000	1.310.595.000
Tăng trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.310.595.000</b>	<b>1.310.595.000</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số dư đầu năm	720.827.250	720.827.250
Khấu hao trong năm	26.211.900	26.211.900
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>747.039.150</b>	<b>747.039.150</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	589.767.750	589.767.750
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>563.555.850</b>	<b>563.555.850</b>

### 13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	31.12.2014		31.12.2013	
		Số lượng	Giá trị đầu tư	Số lượng	Giá trị đầu tư
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>			<b>1.085.000.000</b>		<b>1.085.000.000</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mần (*)	4,34%	108.500	1.085.000.000	108.500	1.085.000.000
		<b>108.500</b>	<b>1.085.000.000</b>	<b>108.500</b>	<b>1.085.000.000</b>

(\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000130 ngày 13/4/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mần là 25.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường Hà Nội góp 7.500.000.000 đồng (tương đương 750.000 CP) chiếm tỷ lệ 30%. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã đầu tư 1.085.000.000 đồng (tương ứng 108.500 CP) chiếm tỷ lệ 4,34%. Hiện tại dự án thủy điện Nậm Mần đã dừng triển khai do dự án không còn khả thi.

### 14. Đầu tư dài hạn khác

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
Chi phí giải phóng mặt bằng dự án Yên Hòa	5.315.100.000	5.315.100.000
	<b>5.315.100.000</b>	<b>5.315.100.000</b>

### 15. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số dư cuối năm
Lợi thế thương mại khu đất số 71, Hai Bà Trưng, Hà Nội	821.142.000	-	(172.872.000)	648.270.000
Chi phí sửa chữa khu Hàm Tử Quan	115.230.619	-	(57.615.309)	57.615.310
Công cụ, dụng cụ	6.359.091	-	(6.359.091)	-
	<b>942.731.710</b>	<b>-</b>	<b>(236.846.400)</b>	<b>705.885.310</b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 16. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
<b>Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ</b>				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	-	11.960.485.879	(11.960.485.879)	-
	-	<b>11.960.485.879</b>	<b>(11.960.485.879)</b>	-
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	689.510.649	14.073.709.740	(14.118.468.402)	644.751.987
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	8.213.360.320	(8.213.360.320)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.144.556	117.113.313	(88.212.877)	109.044.992
Thuế thu nhập cá nhân	86.267.687	737.712.050	(492.837.029)	331.142.708
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	320.869.041	(320.869.041)	-
Thuế khác	-	32.899.980	(32.899.980)	-
	<b>855.922.892</b>	<b>23.495.664.444</b>	<b>(23.266.647.649)</b>	<b>1.084.939.687</b>

#### 16.1. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### 16.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 22% trên lợi nhuận chịu thuế kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 và mức 20% kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016.

##### a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nội dung	2014	2013
Lợi nhuận thuần trước thuế	529.070.540	491.598.969
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận	3.262.699	(22.631.361)
Các khoản điều chỉnh tăng	43.415.199	2.178.339
Các khoản phạt	43.415.199	2.178.339
Các khoản điều chỉnh giảm	(40.152.500)	(24.809.700)
Cổ tức được chia	(40.152.500)	(24.809.700)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	532.333.239	468.967.608
Lỗi năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	532.333.239	468.967.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả trong năm	117.113.313	117.241.902
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả đầu năm	80.144.556	110.563.896
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-	69.160.217
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	(88.212.877)	(216.821.459)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả cuối năm	109.044.992	80.144.556



## Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 16.3. Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
Bảo hiểm xã hội	187.680	58.202.271
Bảo hiểm y tế	-	17.668.516
Bảo hiểm thất nghiệp	-	24.089.745
Kinh phí công đoàn	3.674.599	24.786.079
Phải trả về cổ tức	72.630.857	300.575.568
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội (*)	6.589.645.183	6.589.645.183
Phải trả các tổ chức cá nhân	9.294.001.472	3.021.156.170
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	-	901.888.232
	<b>15.960.139.791</b>	<b>10.938.011.764</b>

(\*) Theo hợp đồng số 126/2008/HTKD-E4YH ngày 24/4/2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội và Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Hà Nội về việc hợp tác đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở; quản lý đầu tư và khai thác kinh doanh nhà của dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà tại ô đất có ký hiệu E4 khu đô thị mới Yên Hòa.

### 18. Vay và nợ

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>32.909.402.820</b>	<b>21.757.358.450</b>
Vay ngân hàng	32.909.402.820	21.757.358.450
	<b>32.909.402.820</b>	<b>21.757.358.450</b>

Chi tiết các khoản vay và nợ như sau:

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (*)	Số dư 31.12.2014
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>					<b>32.909.402.820</b>
Vay ngân hàng					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3 - 9	10/1/2015-1/5/2015	5,9	Tài sản	32.909.402.820
					<b>32.909.402.820</b>

(\*) Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay ngắn hạn trong năm là Bất động sản đầu tư 71 Hai Bà Trưng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khoảng 564 triệu đồng.

## Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 19. Vốn chủ sở hữu

#### 19.1. Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư 31.12.2012	15.500.000.000	(678.300.000)	154.167.655	148.504.957	242.056.449	15.366.429.061
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	305.196.850	305.196.850
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(8.068.548)	(8.068.548)
Trích lập các quỹ	-	-	8.068.548	8.068.548	(16.137.096)	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(217.850.805)	(217.850.805)
Số dư 31.12.2013	15.500.000.000	(678.300.000)	162.236.203	156.573.505	305.196.850	15.445.706.558
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	411.957.227	411.957.227
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(15.259.842)	(15.259.842)
Trích lập các quỹ	-	-	30.519.685	15.259.843	(45.779.528)	-
Khác	-	-	10.389.117	-	-	10.389.117
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(244.157.480)	(244.157.480)
Số dư 31.12.2014	15.500.000.000	(678.300.000)	203.145.005	171.833.348	411.957.227	15.608.635.580

## Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 19.2. Cổ phần

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	1.550.000	1.550.000
Số lượng cổ phần đã phát hành	1.550.000	1.550.000
Cổ phần thường	1.550.000	1.550.000
Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần mua lại	39.900	39.900
Cổ phần thường	39.900	39.900
Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	1.510.100	1.510.100
Cổ phần thường	1.510.100	1.510.100
Cổ phần ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.	-	-

### 20. Doanh thu

Nội dung	2014	2013
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	74.329.185.501	73.439.763.694
Doanh thu từ hợp đồng xây dựng	65.055.296.012	41.634.049.407
Doanh thu cho thuê	2.417.757.876	2.268.078.183
	<b>141.802.239.389</b>	<b>117.341.891.284</b>

### 21. Giá vốn hàng bán

Nội dung	2014	2013
Giá vốn của hàng hóa đã bán	71.222.464.947	69.557.413.624
Giá vốn của hoạt động xây lắp	64.247.775.343	39.615.903.921
Giá vốn của dịch vụ cho thuê	451.300.295	505.471.546
	<b>135.921.540.585</b>	<b>109.678.789.091</b>

### 22. Chi phí sản xuất theo yếu tố

Nội dung	2014	2013 (trình bày lại)
Chi phí mua hàng	84.043.549.083	79.511.290.575
Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	17.945.735.103	11.483.949.816
Chi phí nhân công trực tiếp	11.883.138.692	5.684.672.308
Chi phí nhân công gián tiếp	2.973.229.484	1.732.941.924
Chi phí vật liệu	719.200	17.185.000
Chi phí dụng cụ sản xuất	25.018.046	31.745.588
Chi phí khấu hao	207.284.703	138.048.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	382.673.778
Chi phí khác	18.904.113.825	14.178.113.932
	<b>135.982.788.136</b>	<b>113.160.621.689</b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 23. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	2014	2013
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.597.448	26.295.494
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.152.500	24.809.700
Lãi do bán các loại chứng khoán	48.153.948	-
	<b>122.903.896</b>	<b>51.105.194</b>

### 24. Chi phí tài chính

Nội dung	2014	2013
Lãi tiền vay	2.236.675.748	3.620.568.574
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	76.569.027	1.176.205.973
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	263.721.910	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	417.864	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	569.858.936	-
Chi phí khác	-	339.885
	<b>3.147.243.485</b>	<b>4.797.114.432</b>

### 25. Chi phí bán hàng

Nội dung	2014	2013
Lương nhân viên bán hàng	115.990.909	123.619.041
Chi phí khác	12.977.827	-
	<b>128.968.736</b>	<b>123.619.041</b>

### 26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	2014	2013
Chi phí nhân viên quản lý	987.150.119	905.794.112
Chi phí vật liệu quản lý	5.051.000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	51.984.860	113.159.370
Chi phí khấu hao	79.020.169	63.907.793
Thuế, phí và lệ phí	57.777.914	212.299.178
Chi phí dự phòng	496.207.656	187.511.892
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.687.790	178.251.140
Chi phí khác	379.063.667	646.833.885
	<b>2.174.943.175</b>	<b>2.307.757.370</b>

### 27. Thu nhập khác

Nội dung	2014	2013
Thu tiền điện cho thuê nhà	213.798.119	111.584.094
Xử lý chênh lệch công nợ và tài sản	13.501	41.057.668
Thu nhập khác	3.846.241	3.250.001
	<b>217.657.861</b>	<b>155.891.763</b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 28. Chi phí khác

Nội dung	2014	2013
Chi phí tiền điện cho thuê nhà	197.618.700	105.804.092
Khoản phạt vi phạm hành chính	38.855.960	-
Khoản phạt nộp chậm BHXH	4.559.239	16.147.981
Xử lý chênh lệch hàng tồn kho	-	25.878.447
Khoản phạt nộp chậm thuế	-	2.178.339
Chi phí khác	726	479
	<b>241.034.625</b>	<b>150.009.338</b>

### 29. Lãi cơ bản trên cổ phần

Nội dung	2014	2013
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông</b>		
- Lợi nhuận thuần trong năm	411.957.227	305.196.850
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
<b>Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông</b>	<b>411.957.227</b>	<b>305.196.850</b>
<b>Số lượng cổ phần phổ thông bình quân trong năm</b>		
- Số lượng cổ phần đầu năm	1.510.100	1.510.100
- Số lượng cổ phần bình quân phát hành trong năm	-	-
- Số lượng cổ phần bình quân mua lại trong năm	-	-
<b>Số lượng cổ phần bình quân trong năm</b>	<b>1.510.100</b>	<b>1.510.100</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần</b>	<b>273</b>	<b>202</b>

### 30. Công cụ tài chính

#### 30.1. Quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty cũng có các tài sản tài chính như tiền và tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh toán.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí của rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro. Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền, phải thu khách hàng, vay và nợ, và phải trả người bán.

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro do sự thay đổi lãi suất thị trường của Công ty trong năm là không có do các khoản vay của Công ty có lãi suất cố định.

## ii) Rủi ro ngoại tệ

Công ty chịu rủi ro từ các giao dịch mua và bán hàng phát sinh bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua và bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không thực hiện các công cụ phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ này có thể vượt qua mức rủi ro tiềm tàng của việc biến động tỷ giá.

Công ty đánh giá rủi ro tiền tệ liên quan đến các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là ở mức thấp. Các khoản mục sau của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ:

<u>Nội dung</u>	<u>31.12.2014</u> <u>USD</u>	<u>31.12.2013</u> <u>USD</u>
<i>Tài sản tài chính</i>	<b>248</b>	<b>249</b>
Tiền	248	249
	<b>248</b>	<b>249</b>

## iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng việc thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết của Công ty là 3.967.330.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 5.247.811.150 đồng). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm 396.733.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 524.781.115 đồng), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá các cổ phiếu này tăng thêm 10%, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng lên 396.733.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 524.781.115 đồng).

## iv) Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty không có rủi ro đáng kể về giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa và thông qua các nhà cung cấp nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

## b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản cho vay.

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## i) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Công ty quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu còn tồn đọng tại ngày báo cáo.

## ii) Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 3. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

## iii) Các công cụ tài chính khác

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu đã được lập dự phòng.

## c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản trị rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu như sau:

<u>Ngày 31.12.2014</u>	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Vay ngắn hạn	32.909.402.820	-	-	32.909.402.820
Phải trả người bán	16.153.718.023	-	-	16.153.718.023
Chi phí phải trả	46.771.160	-	-	46.771.160
Phải trả khác	15.960.139.791	795.200.000	-	16.755.339.791
	<b>65.070.031.794</b>	<b>795.200.000</b>	-	<b>65.865.231.794</b>

<u>Ngày 31.12.2013</u>	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Vay ngắn hạn	21.757.358.450	-	-	21.757.358.450
Phải trả người bán	36.161.737.508	-	-	36.161.737.508
Phải trả khác	10.938.011.764	795.200.000	-	11.733.211.764
	<b>68.857.107.722</b>	<b>795.200.000</b>	-	<b>69.652.307.722</b>

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## 30.2. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Cụ thể, Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

## 31. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 10 tháng 4 năm 2015.



NGUYỄN MẠNH CƯỜNG  
Giám đốc

PHẠM THỊ HƯƠNG  
Kế toán trưởng

